

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HC-ST

Ngày: 17-6-2022

*V/v Khiếu kiện quyết định áp
dụng biện pháp khắc phục
hậu quả*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm:

Ông Lương Sĩ Tư Hoài

Bà Phùng Thị Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HC ngày 26-4-2021 về “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”; Vụ án được xét xử công khai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HC ngày 20-4-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST-HC ngày 17-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T - sinh năm 1983; Địa chỉ: 05 Nguyễn Thượng H, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; Địa chỉ: số 02 Trần Nhân T1, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 7024/UBND ngày 02-12-2020). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Bùi Bá T2, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Dương Trung H1, chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Đ. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ; địa chỉ: 86 Đoàn Thị Đ1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh T3; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành L; chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ban Quản lý rừng L2; địa chỉ: Số 29 Đường 3/4, Phường 3, thành phố Đ, Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Mạnh H2; chức vụ: Trưởng ban. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Phó Trưởng ban. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Diễm M; sinh năm 1994; địa chỉ: số 01 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị Thanh H3; sinh năm 1985; địa chỉ: số 01 đường Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị K; sinh năm 1930; địa chỉ: số 01 đường Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: số 27K Ngô Thị S, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị L2; địa chỉ: 27B Hoàng Văn Thụ, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

7. Bà Mã Thị Xuân G1; địa chỉ: Đồi Tịnh Xá N, hẻm 27 Lê Hồng P2, Phường 4, thành phố Đ. Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Đức H4; địa chỉ: xã Đồng T, huyện Ứng H5, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9. Bà Mai Thị P; địa chỉ: 8/4 Trần Nhật D, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời trình bày của người khởi kiện ông Nguyễn Minh T thể hiện như sau:

[1] Ngày 12-8-2019, ông T biết được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (sau đây viết tắt là UBND TP Đ) ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả yêu cầu ông tháo dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị thuộc một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và 181 tờ bản đồ số 4, Phường 4, thành phố Đ. Việc ban hành Quyết định trên không đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông cụ thể như sau:

- Ông không phải là người có hành vi vi phạm đã nêu trong Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

- Quá trình ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ông không được tổng đạt hợp lệ các giấy mời làm việc.

- Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26-7-2019 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ được lập không đúng theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Đồng thời, biên bản không gửi cho ông nên ông không thực hiện được quyền giải trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Thời gian ghi trong biên bản vi phạm được lập lúc 14 giờ và kết thúc lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày là quá nhanh.

- Nội dung biên bản vi phạm hành chính ghi nhận “*Qua quá trình rà soát và đồng thời kiểm tra thông tin và hình ảnh từ google maps thì quá trình xây dựng 13 khối công trình từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2017*”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính thì vi phạm đã nêu trong biên bản vi phạm hành chính không được sử dụng các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện.

- Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26-7-2019 của Ủy ban nhân dân Phường 4, TP Đ lập là không đúng thời điểm. Bởi vì biên bản vi phạm hành chính được lập không phải là thời điểm xảy ra vi phạm.

Do biên bản vi phạm hành chính ngày 26-7-2019 có nhiều sai phạm nên việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông là không đúng. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy Quyết định nêu trên.

Đồng thời, ngày 07-01-2020 Chủ tịch UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành quyết định số 111/QĐ-ĐCKPHQ, nội dung chính quyết định 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 từ tờ bản đồ số 4 thành tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ nêu trên.

[2] Ngày 14-02-2020, ông T nhận được Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 522/QĐ-UBND đề ngày 10-02-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với ông T có nội dung buộc ông T phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7; điểm a, khoản 2, Điều 8 và khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hậu quả do vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm. UBND thành phố Đ cho rằng ông T đã có hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; lấn chiếm đất rừng phòng hộ với diện tích 1.884,04m²; tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép để ban hành Quyết định số 522.

Ông T cho rằng, Quyết định số 522 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T được pháp luật bảo vệ bởi lẽ:

Thứ nhất, về căn cứ ban hành Quyết định số 522: Quyết định số 522 căn cứ Điều 75 Luật xử lý vi phạm hành chính để quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là áp dụng không đúng pháp luật bởi Điều 75 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định về thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người “bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức xử phạt bị giải thể, phá sản”. Bản thân ông T không bị UBND thành phố Đ ban hành quyết định xử phạt vì UBND thành phố Đ cho rằng hành vi vi phạm hành chính của ông T đã hết thời hiệu xử phạt, đồng thời ông T không thuộc trường hợp chết, mất tích.

Thứ hai, về nội dung Quyết định số 522: Một trong các căn cứ để UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 522 là Biên bản vi phạm hành chính số 55/BB-VPHC ngày 08-11-2019 của UBND Phường 4 thành phố Đ (dưới đây xin viết tắt là Biên bản số 55). Tuy nhiên, ông T cho rằng biên bản vi phạm hành chính này là không chính xác và không đảm bảo tuân thủ các quy định về lập biên bản vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính bởi: Một là, về địa điểm lập biên bản: ông T khẳng định Biên bản số 55 được lập ngay tại trụ sở UBND Phường 4 chứ không phải được lập tại Nhà hàng T5 – địa chỉ: 01 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ như thể hiện trong biên bản. Hai là, về giờ, ngày tháng năm, địa điểm xảy ra vi phạm: Biên bản số 55 xác định thời điểm ông T thực hiện các hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất là năm 2016 và trước năm 2016 nhưng không có căn cứ nào để xác định thời điểm vi phạm, đồng thời không nêu cụ thể được trước năm 2016 là năm nào? Ba là UBND Phường 4 không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông T là người có hành vi vi phạm mà lại xác định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là ông T là không có căn cứ. Ông T khẳng định bản thân ông T không phải là người đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính như Biên bản số 55 thể hiện. Do đó, Biên bản số 55 đã xác định sai đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính.

Thứ ba, về biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Theo khoản 5, Điều 1 Quyết định số 522 thì UBND thành phố Đ buộc ông T phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả gồm 04 (bốn) nội dung là a, b, d, đ. Tuy nhiên, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thì biện pháp khắc phục hậu quả không bao gồm các mục b, d, đ như khoản 5, Điều 1 Quyết định 522. Mặt khác, Luật xử lý vi phạm hành chính không quy định biện pháp khắc phục hậu quả là “buộc trả lại diện tích đất đã lấn chiếm” như quy định tại đoạn cuối điểm a, khoản 5, Điều 1 Quyết định số 522. Vì vậy, ông T cho rằng biện pháp khắc phục hậu quả mà Quyết định số 522 của UBND thành phố Đ buộc ông T phải thực hiện là không đúng pháp luật.

Từ những lý do nêu trên, ông T làm đơn này đề nghị TAND tỉnh Lâm Đồng xem xét hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

** Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:*

1. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T:

Thực hiện Văn bản số 3432/UBND-XD ngày 06-6-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm (nếu có) tại khu vực di tích lịch sử - danh lam Đồi Trăng, Phường 4, thành phố Đ. Ngày 18-6-2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, trật tự xây dựng, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm quản lý bảo vệ rừng và các vấn đề khác có liên quan đối với Nhà hàng T5, địa chỉ số 01 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ.

Ngày 20-6-2019, Đoàn kiểm tra trực tiếp kiểm tra hiện trường, tiến hành đo đạc và lập Biên bản kiểm tra. Qua đo đạc thực tế, hiện trạng công trình, hạng mục công trình tại Nhà hàng T5 của Đoàn kiểm tra; căn cứ họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 24-6-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, thể hiện:

Tổng số hạng mục công trình xây dựng là 13 hạng mục công trình với tổng diện tích xây dựng là 2.736,8m² tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ. Hiện các công trình này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng, trong đó gồm:

a) Khối Nhà hàng tại vị trí (1-4 -6): Tổng diện tích công trình là 453,5 m², gồm 03 khối:

- Khối vị trí 1: 34,68 m²;
- Khối vị trí 4: 175,86 m²;
- Khối vị trí 6: 242,96 m²;

Công trình bằng vật liệu: tường xây gạch đờ mi cao 0,8m, trên lắp kính - nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.

b) Khối nhà ở và nhà ở nhân viên + kho tại vị trí (2 - 7): Tổng diện tích công trình là 313,66 m², gồm 02 khối:

- Khối vị trí 2: 129,02 m²; Công trình nhà ở gia đình, bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.
- Khối vị trí 7: 184,64 m²; Công trình nhà ở nhân viên, bằng vật liệu: vách tôn kẽm, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.

c) Khối Nhà bếp tại vị trí 5: bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm, có diện tích 143,59m².

d) Chòi ngũ giác tại vị trí (3): Bằng vật liệu tường xây gạch cao 0,80m, trụ sắt, khung sắt, mái lợp tôn, có diện tích 10,72 m²;

e) Công trình khác (sân, đường đi) tại vị trí 1: Bằng kết cấu bê tông xi măng, có diện tích: 1.428,59 m², gồm:

- Sân, đường đi: 1.067,49 m²
- Công trình mái che để xe, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, gồm 02 khối có diện tích: (15,5m x 7,0m) + (11,5m x 6,0m) = 177,5 m²;
- Công trình mái che dọc lối đi xuống nhà hàng, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt,

mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, có diện tích: $(43,2\text{m} \times 4,25\text{m}) = 183,6 \text{ m}^2$;

f) Khối Nhà kính tại vị trí 8: Khối nhà kính dùng chấn nuôi gà, kết cấu vật liệu: khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần có diện tích: $(12,2\text{m} \times 11,9\text{m}) = 145,18\text{m}^2$;

Ngoài ra còn có các công trình xây dựng không phép, không thể hiện trong hoạ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thiết lập, gồm:

- Khối Nhà kính: Tổng diện tích 02 khối nhà kính: 241,56 m², gồm:

+ Khối nhà kính dùng trồng hoa: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất. Tại vị trí gần công trình số 4, có diện tích: $(21,7\text{m} \times 4,0\text{m}) = 86,8 \text{ m}^2$;

+ Khối nhà kính dùng chấn nuôi gà: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần công trình số (8) có diện tích $(14,6\text{m} \times 10,6\text{m}) = 154,76\text{m}^2$;

Tại thời điểm kiểm tra cho thấy chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình, bao gồm: 13 hạng mục công trình với tổng diện tích xây dựng là 2.736,8m² tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ. Hiện các công trình này đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đ và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất du lịch hỗn hợp (DLHH) và đất công viên cảnh quan (CVCQ); Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 03-04-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất Trữ sở khác (TSK); không phù hợp đất ở để được phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ.

Hành vi xây dựng, cải tạo mở rộng công trình không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép quy định tại Khoản 1, Điều 89, Luật Xây dựng.

Hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

Đối với nội dung xác định ông Nguyễn Minh T là chủ sử dụng các công trình vi phạm trên cơ sở sau:

Ngày 15-3-2016, ông Nguyễn Minh T có gửi Đơn xin xác nhận có nhà ở ổn định trong đó có nêu: Ông Nguyễn Minh T- SN: 22-05-1983 Số CMND: 250651483, ngày 30-05-2010, cấp tại Công an Lâm Đồng HKTT: 5 Nguyễn Thượng H, Phường 5, Tp Đ, chỗ ở hiện nay: 01 Triệu Việt V - Phường 4, Tp Đ, trình bày nội dung như sau: “Năm 2006 tôi có mua một căn nhà ở và có vườn của vợ chồng bà Mai Thị P, sinh năm 1953, CMND số 250004749 cấp ngày 16-05-2002 tại Công an Lâm Đồng và chồng là Trương Văn G3, sinh năm 1944. Hiện thường trú tại 8/4 Trần Nhật D, Phường 5, thành

phố Đ. Nhà tôi mua có diện tích 80m² còn đất có diện tích đất: 1.575m², tại một phần thửa 148, 165 tờ bản đồ số 03, Phường 4, Tp. Đ, phía Đông, giáp nhà bà Giang, phía Tây giáp đất trống, phía Nam giáp đất trống, phía Bắc giáp hàng rào Dinh 3 và được bà P cùng chồng là ông G3 viết giấy tờ tay chuyển nhượng nhà và đất kèm theo Quyết định cấp đất số 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992 của UBND thành phố Đ về việc giao đất để sản xuất, họa đồ lô đất, biên lai đóng thuế, đơn xin làm nhà nhỏ trông nom vườn (Bản chính). Vậy tôi đề nghị UBND Phường 4, thành phố Đ xác nhận cho tôi nội dung tôi có nhà ở, tại số 01 Triệu Việt V, Phường 4, Tp Đ nhà ở, đất ở không có tranh chấp về quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và không nằm trong khu quy hoạch đã có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Đến ngày 16-3-2016, UBND Phường 4 có xác nhận trong đơn nội dung như sau: “Ông Nguyễn Minh T hiện có nhà ở tại số 01 Triệu Việt V, Phường 4 Đ. Nhà ở, nhà đất không có tranh chấp về QSH nhà ở và QSD đất ở, không nằm trong khu quy hoạch đã có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (để bổ túc hồ sơ xác nhận)”.

Căn cứ nội dung về Hộ khẩu thường trú; về nguồn gốc đất kê khai; về chủ sử dụng đất theo xác minh; về quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng như đã nêu trên, cho thấy: ông Nguyễn Minh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất, nhà ở và đang thực hiện việc kinh doanh Nhà hàng T5 (Đơn xin xác nhận có nhà ở đất ở ổn định ngày 05-3-2016 của ông Nguyễn Minh T; Biên bản làm việc ngày 24-6-2019 của UBND Phường 4 với bà Nguyễn Thị L2; Biên bản làm việc ngày 25-6-2019 của UBND Phường 4 với bà Mai Thị P; bà M, đại diện hộ kinh doanh là cháu ruột ông T). Từ đó xác định chủ thể vi phạm về lĩnh vực trật tự xây dựng là ông Nguyễn Minh T.

Chủ sử dụng là ông Nguyễn Minh T không phối hợp làm việc với đoàn công tác, UBND Phường 4 cũng không xác định được thời điểm vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh T nên không đủ cơ sở để xác định thời điểm vi phạm hành chính.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: *“Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở là 02 năm”*. Công trình có thời điểm thi công và đưa vào sử dụng đến nay đã quá 02 năm, do đó không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 11, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 7 điều này.

- Ngày 26-7-2019, UBND Phường 4 lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 213/BB-VPHC.

- Ngày 26-7-2019, UBND Phường 4 có Tờ trình số 130/ TTr-UBND về việc đề xuất ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng đối với ông Nguyễn Minh T, chủ đầu tư xây dựng công trình tại một phần thửa đất 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, hẻm Ngô Thì Sĩ, Phường 4, thành phố Đ.

Xét Tờ trình số 2942/TTr-QLĐT ngày 29-7-2019 của Phòng Quản lý đô thị Đ về việc đề xuất ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T tại một phần thửa số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ, ngày 06-8-2019 UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông (bà) Nguyễn Minh T, buộc tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị một phần thửa số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ.

Việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, đối với việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không có cơ sở xem xét giải quyết, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trình tự thủ tục và các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ:

Ngày 08-11-2019, UBND Phường 4 lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại Nhà hàng T5, địa chỉ số 1 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ đối với ông Nguyễn Minh T đã có các hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất rừng phòng hộ với diện tích 1.884,04m² tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ, đã có hành vi vi phạm hành chính: *Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Xây dựng 04 khối công trình trái phép với diện tích 747,05m² thời điểm vi phạm năm 2016; tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, thời điểm vi phạm năm 2016.*

Ngày 15-11-2019, UBND Phường 4 có Tờ trình 177/TTr-UBND gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với Nguyễn Minh T.

Ngày 13-12-2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 1932/TTr-TN&MT trình UBND thành phố Đ về việc đề nghị ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với Nguyễn Minh T.

Ngày 10-02-2020, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 522/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Nguyễn Minh T.

Việc các cơ quan chức năng tham mưu UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Nguyễn Minh T trên cơ sở ông Nguyễn Minh T có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 07, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10

Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Nguyễn Minh T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 28, Điều 65, Điều 75, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18-8-2017 của Chính phủ; Nghị định số 102/2014 ngày 10-11-2014 của Chính phủ.

Do đó, việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của UBND thành phố Đ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Nguyễn Minh T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

** Theo ý kiến của người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ trình bày:*

Thực hiện theo nội dung Công văn số 1980/UBND-NC ngày 03-5-2019 về việc xử lý đơn phản ánh của công dân, nội dung: Giao UBND Phường 4 kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh ông Nguyễn Minh T có hành vi lấn chiếm đất đai, xây dựng công trình Nhà hàng T5 trái phép tại khu vực Dinh III. Ngày 20-5-2020, UBND Phường 4 chủ trì mời đại diện các ban ngành đoàn thể, đại diện tổ dân phố, mời ông Nguyễn Minh T lên làm việc. Tại cuộc họp ông Nguyễn Minh T không hợp tác làm việc và cử đại diện là bà Nguyễn Thị Hoàn (là chị ruột của ông Nguyễn Minh T) làm việc, tại cuộc họp bà Hoàn cho biết nhà và đất trên là của bà Nguyễn Thị K, hiện bà K đang chữa bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh nên không T hành làm việc.

Qua làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố cho biết: Nhà đất trên khu vực Nhà hàng T5 do bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1930, tạm trú tại Tổ 12, Phường 4 Đ đứng tên chủ sử dụng. (Bà Nguyễn Thị K là mẹ ruột của ông Nguyễn Minh T). Nguồn gốc đất của bà Mai Thị P sử dụng đất trước 15-10-1993, thời điểm sang nhượng lại cho bà Khiếu khoảng năm 2016. Nhà do bà P làm trước năm 2002, khu vực nhà hàng làm khoảng đầu năm 2016.

Về nguồn gốc sử dụng đất:

- Thửa đất số 1p147, 148, 165, tờ bản đồ số 3 do bà Mai Thị P đăng ký kê khai, được UBND thành phố Đ giao đất để sản xuất nông nghiệp với diện tích 1575m², theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992 về việc giao đất để sản xuất. Năm 1990, bà P dựng một trại để vật tư, đến năm 2000 cải tạo, sửa chữa lại sử dụng để ở. Căn nhà này hiện nay bà Khiếu đang sử dụng để ở. Toàn bộ nhà và đất hiện nay bà Mai Thị P đã sang nhượng lại cho Bà Nguyễn Thị K khoảng năm 2016.

- Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 3 do bà Nguyễn Thị Chinh đăng ký kê khai, được UBND thành phố Đ giao đất để sản xuất nông nghiệp với diện tích 1.806m², năm 1991 bà Chinh được cấp phép xây dựng với diện tích 200m². Vị trí căn nhà này hiện nay bà Khiếu đang sử dụng để làm nhà bếp và các công trình phụ. Toàn bộ nhà và đất hiện nay do bà Nguyễn Thị Chinh đã sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị K khoảng năm 2016.

- Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 3 do ông Phan Q đăng ký kê khai, sử dụng đất trước ngày 15-10-1993, đến năm 2005 ông Q sang nhượng đất cho bà Nguyễn Thị L2, đến năm 2006 bà Loan làm nhà ở, đến năm 2016 sang nhượng lại cho bà Khiếu. Vị trí căn nhà này hiện nay bà Khiếu đang sử dụng để công nhân ở.

(Do chủ hộ không hợp tác làm việc và không bổ sung các giấy tờ có liên quan với lý do: chủ hộ đi chữa bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên UBND Phường 4 căn cứ vào ý kiến của Tổ dân phố nên xác định nhà và đất tại khu vực của bà Nguyễn Thị K). Tuy nhiên trong thời gian lập hồ sơ xử lý vi phạm tại khu vực Nhà hàng T5, UBND Phường 4 nhận thấy cần phải xác minh việc mua bán sang nhượng nhà đất đối với các chủ sử dụng đất cũ, đến ngày 24-6-2020 và 25-6-2020 UBND Phường 4 tiến hành mời chủ sử dụng đất cũ là bà Mai Thị P và bà Nguyễn Thị L2 làm việc, bà P và bà Loan thừa nhận có việc sang nhượng nhà đất cho ông Nguyễn Minh T.

Đối với việc xác nhận có nhà ở ổn định của ông Nguyễn Minh T của ông Nguyễn Minh T tại địa chỉ 01 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ: tại thời điểm xác nhận năm 2016, theo đơn xin xác nhận ông T trình bày sang nhượng nhà đất của ông Trương Văn G3 và bà Mai Thị P.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả xác định chủ đầu tư là ông Nguyễn Minh T, UBND Phường 4 căn cứ vào kết quả xác minh của Đoàn kiểm tra liên ngành UBND thành phố Đ xác định chủ đầu tư công trình không có giấy phép xây dựng Nhà hàng T5 là do ông Nguyễn Minh T làm chủ đầu tư.

Nay ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì UBND thành phố Đ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo ý kiến của người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng L2 trình bày:*

1. Quá trình quản lý, sử dụng đất của Ban quản lý rừng L2 đối với các thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và một phần thửa 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ trong vụ việc “Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai” (viết tắt là: các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện):

Trước khi nhận bàn giao từ Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đ: Qua đối chiếu phạm vi, ranh giới các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện với bản đồ kèm theo quyết định số 957/QĐ-UB ngày 26-4-2000 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v Điều chỉnh ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng đặc dụng L2 thì các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện không thuộc phạm vi, ranh giới do Ban quản lý rừng L2 quản lý.

Sau khi nhận bàn giao từ Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đ: Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 27-8-2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty Công viên Đ (Nay đổi tên thành Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đ) quản lý theo Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 25-6-1997 của UBND tỉnh Lâm Đồng và

giao cho Ban quản lý rừng L2 quản lý trên địa bàn thành phố Đ thì các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện không nằm trong phạm vi, ranh giới quản lý theo quyết định 959/QĐ-UB ngày 25-6-1997 nêu trên.

Căn cứ biên bản bàn giao ngày 19-9-2018 về “bàn giao hiện trạng và tài nguyên rừng trên phần diện tích Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đ quản lý trước đây sang Ban quản lý rừng L2 quản lý” theo kết quả kiểm kê hiện trạng tài nguyên rừng phục vụ công tác bàn giao tài nguyên rừng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng (văn bản thẩm định số 1613/TĐ-SNN ngày 12-9-2018) thì các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện thuộc phạm vi ranh giới do Ban quản lý rừng L2 quản lý.

Căn cứ bản đồ kèm theo quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Ban quản lý rừng L2 quản lý thì phần diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp (thuộc một phần các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện) nằm trong phạm vi, ranh giới Ban quản lý rừng L2 quản lý và đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 169047 ngày 20-11-2019 cho Ban quản lý rừng L2.

2. Ý kiến của Ban quản lý rừng L2 về yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Minh T yêu cầu hủy Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-2-2020 của UBND thành phố Đ về quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Đối với phần diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp (thuộc một phần các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện) nằm trong phạm vi, ranh giới Ban quản lý rừng L2 quản lý và đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 169047 ngày 20-11-2019 cho Ban quản lý rừng L2. Vì vậy phải được quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng theo quy định của Luật Lâm nghiệp (Luật số 16/2017/QH14 ngày 15-11-2017) và Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16-11-2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị P:*

Bà Mai Thị P là sử dụng đất, năm 1990 đã làm trại để vật tư, năm 1992 bà P được UBND thành phố Đ giao đất để sản xuất nông nghiệp theo quyết định 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992, trong quá trình sử dụng đất có kê khai đăng ký và có tên trong sổ mục kê. Năm 2000, bà P cải tạo sửa chữa trại để vật tư thành nhà để ở, đến khoảng năm 2016 sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị K.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Ngô Thị Thanh H3 và bà Nguyễn Thị K, ông Phan Q, ông Nguyễn Đức H4, bà Nguyễn Thị Chinh, bà Mã Thị Xuân G1, bà Nguyễn Thị L2:* Đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

** Về quá trình giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T:*

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 05-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T;

+ Hủy Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM đã tuyên xử: Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 05-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý vụ án hành chính số 24/2021/TLST- HC về việc “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*” theo bản án hành chính phúc thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29-12-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã nhập vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý vụ án số 59/2021/TLST- HC ngày 23-11-2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*” (yêu cầu hủy Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T) vào vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 24/2021/TLST- HC về việc “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*” theo Quyết định nhập vụ án số 01/2021/QĐST-HC ngày 29-12-2021.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức phiên đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND Phường 4, Ban quản lý rừng L2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị L2, bà Mã Thị Xuân G1, bà Mai Thị P, ông Nguyễn Đức H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Luật Tố tụng Hành Chính. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng, chấp hành việc triệu tập và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND Phường 4, Ban quản lý rừng L2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm M, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị L2, bà Mã Thị Xuân G1, bà Mai Thị P, ông Nguyễn Đức H4 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền*:

Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019, Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07-01-2020 về việc đình chỉ hành chính Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc khởi kiện trong thời hạn khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, xác định đối tượng “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

[3] *Theo ý kiến của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thể hiện*:

[3.1] *Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T*:

- Ngày 26-7-2019, UBND Phường 4 lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 213/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Minh T về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép và xác định hành vi hành chính xây dựng các công trình trên được thực hiện từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2017. Ông T không ký biên bản lý do vắng mặt.

Qua kiểm tra, xác minh và đối chiếu với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Tại một phần thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ (khu vực Nhà hàng T5) hiện hữu các công trình xây dựng cụ thể như sau:

a) Khối Nhà hàng tại vị trí (1-4 -6): Tổng diện tích công trình là 453,5 m², gồm 03 khối:

- Khối vị trí 1: 34,68 m²;
- Khối vị trí 4: 175,86 m²;
- Khối vị trí 6: 242,96 m²;

Công trình bằng vật liệu: tường xây gạch đờ mi cao 0,8m, trên lắp kính - nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm.

b) Khối nhà ở và nhà ở nhân viên + kho tại vị trí (2 - 7): Tổng diện tích công trình là 313,66 m², gồm 02 khối:

- Khối vị trí 2: 129,02 m²; Công trình nhà ở gia đình, bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm

- Khối vị trí 7: 184,64 m²; Công trình nhà ở nhân viên, bằng vật liệu: vách tôn kẽm, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm

c) Khối Nhà bếp tại vị trí 5: Bằng vật liệu cấp 4: tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tôn kẽm, có diện tích 143,59m².

d) Chòi ngũ giác tại vị trí (3): Bằng vật liệu tường xây gạch cao 0,80m, trụ sắt, khung sắt, mái lợp tôn, có diện tích 10,72 m²;

e) Công trình khác (sân, đường đi) tại vị trí 1: Bằng kết cấu bê tông xi măng, có diện tích: 1.428,59 m², gồm:

- Sân, đường đi: 1.067,49m²

- Công trình mái che để xe, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, gồm 02 khối có diện tích: (15,5m x 7,0m) + (11,5m x 6,0m) = 177,5 m²;

- Công trình mái che dọc lối đi xuống nhà hàng, bằng vật liệu: khung, cột, kèo sắt, mái lợp tôn kẽm, nền xi măng, có diện tích: (43,2m x 4,25m) = 183,6 m²;

f) Khối Nhà kính tại vị trí 8: Khối nhà kính dùng chăn nuôi gà, kết cấu vật liệu: khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần có diện tích: (12,2m x 11,9m) = 145,18m²;

Ngoài ra còn có các công trình xây dựng không phép, không thể hiện trong hoạ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thiết lập, gồm:

- Khối Nhà kính: Tổng diện tích 02 khối nhà kính: 241,56 m², gồm:

+ Khối nhà kính dùng trồng hoa: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất. Tại vị trí gần công trình số 4, có diện tích: (21,7m x 4,0m) = 86,8 m²;

+ Khối nhà kính dùng chăn nuôi gà: bằng vật liệu khung, cột, kèo sắt, vách ni lông, mái lợp ni lông, nền đất, tại vị trí gần công trình số (8) có diện tích (14,6m x 10,6m) = 154,76m²;

Ngày 06-8-2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Nguyễn Minh T tháo dỡ 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép nêu trên. Việc lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định điểm b Khoản 1 Điều 28, điểm đ Khoản 2 Điều 38, 58 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 5, điểm d Khoản 11, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

[3.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngày 08-11-2019, UBND Phường 4, thành phố Đ lập Biên bản vi phạm hành chính số 55/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Minh T; nội dung biên bản xác định ông T đã có các hành vi vi phạm: “lấn chiếm đất rừng phòng hộ với diện tích 1.884,04m² tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 03, Phường 4, Đ, thời điểm vi phạm trước năm 2016; tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; xây dựng 04 khối công trình trái phép với diện tích 747,05m², thời điểm vi phạm năm 2016; tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, thời điểm vi phạm năm 2016”.

Sau khi nhận được hồ sơ xử lý vi phạm hành chính của UBND Phường 4, thành phố Đ, UBND thành phố Đ đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ tiến hành điều tra, xác minh và Phòng TNMT thành phố Đ đã có Tờ trình số 1932/TTr-TNMT ngày 13-12-2019 về việc đề nghị ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Minh T.

Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 55/BB-VPHC, Tờ trình số 1932/TTr-TNMT, Quyết định giao quyền số 52/QĐ-GQXP ngày 09-01-2019, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3.3] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Về nguồn gốc diện tích đất 1.884,04 m² tờ bản đồ số 3 của UBND Phường 4, sổ mục kê lập năm 1996 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Theo Văn bản số 553/UBND ngày 03-6-2020 của UBND Phường 4 (BL 72) và Sổ mục kê tờ bản đồ số 4, Phường 4, thành phố Đ (BL 71) thể hiện:

+ Đối với thửa 147, 148, 165: Bà Mai Thị P là sử dụng đất, năm 1990 đã làm trại để vật tư, năm 1992 bà P được UBND thành phố Đ giao đất để sản xuất nông nghiệp theo quyết định 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992, trong quá trình sử dụng đất có kê khai đăng ký và có tên trong sổ mục kê. Năm 2000, bà P cải tạo sửa chữa trại để vật tư thành nhà để ở, đến khoảng năm 2016 sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị K.

+ Đối với thửa 148, 165: Bà Mã Thị Xuân G1 là người kê khai đăng ký và có tên trong sổ mục kê.

+ Đối với thửa 166: Nguyễn Thị Chinh được UBND thành phố Đ giao đất để sản xuất nông nghiệp. Năm 1991, bà Chinh làm nhà theo giấy phép xây dựng được cấp với diện tích là 200m², đến khoảng năm 2016 sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị K.

+ Đối với thửa 180: Loại đất là đất lâu năm và thổ cư.

+ Đối với thửa đất số 181: Loại đất là đất hoang. Tuy nhiên, theo Văn bản số 553/UBND ngày 03-6-2020 của UBND Phường 4 về việc xác minh nguồn gốc đất của ông Nguyễn Minh T thể hiện thửa số 181 do ông Phan Văn Q là người kê khai, đăng ký, sử dụng trước ngày 15-10-1993. Năm 2005, ông Q chuyển nhượng cho bà Loan. Năm 2006, bà Loan làm nhà ở, đến khoảng năm 2016 sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị K.

- Theo Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 25-6-1997 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và một phần thửa 181 nằm ngoài ranh giới đất lâm nghiệp.

Theo Họa đồ vị trí, diện tích khu vực Trên đỉnh đồi trắng (BL 53) và theo Văn bản số 222/BQL ngày 10-6-2021 của Ban quản lý rừng L2 về việc trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ (BL 75) có nội dung: *“Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 27-8-2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty Công viên Đ quản lý theo Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 25-6-1997 của UBND tỉnh Lâm Đồng và giao cho Ban quản lý rừng L2 quản lý trên địa bàn thành phố Đ thì các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện không nằm trong phạm vi, ranh giới quản lý theo quyết định 959/QĐ-UB ngày 25-6-1997 nêu trên.*

Căn cứ biên bản bàn giao ngày 19-9-2018 về “bàn giao hiện trạng và tài nguyên rừng trên phần diện tích Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đ quản lý trước đây sang Ban quản lý rừng L2 quản lý” theo kết quả kiểm kê hiện trạng tài nguyên rừng phục vụ công tác bàn giao tài nguyên rừng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng (văn bản thẩm định số 1613/TĐ-SNN ngày 12-9-2018) *thì các thửa đất liên quan đến vụ việc khiếu kiện thuộc phạm vi ranh giới do Ban quản lý rừng L2 quản lý.”*

Theo Văn bản số 3906/UBND-NC ngày 25-6-2021 của UBND thành phố Đ (BL 60) trình bày: *“Qua đối chiếu phạm vi ranh giới thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và 1 phần thửa 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ với bản đồ kèm theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19-02-2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2008-2020 thì các thửa đất số 147, 148, 165, 166, 180 và 1 phần thửa 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ được quy hoạch là đất lâm nghiệp. Tại thời điểm năm 2008, phần đất quy hoạch lâm nghiệp nêu trên không nằm trong phạm vi ranh giới quản lý của Ban quản lý rừng L2.”*

Theo Văn bản số 1760/UBND-NC ngày 30-3-2021 của UBND thành phố Đ (BL 56) trình bày: *“Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 thì diện tích 1.884,04m² thuộc 1 phần thửa 166, 1 phần thửa 181, 1 phần thửa 165, 1 phần thửa 167, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ” và “Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về điều chỉnh phạm vi, ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Ban quản lý rừng L2 quản lý thì phần diện tích 1.884,04m² nằm trong ranh giới Ban Quản lý rừng L2 quản lý”.*

Các nội dung trình bày nêu trên của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ đều phù hợp với văn bản cung cấp thông tin của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

UBND Phường 4, thành phố Đ và Ban quản lý rừng L2 về nội dung: nguồn gốc diện tích đất 1.884,04m² tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 3, Phường 4, thành phố Đ do các hộ dân quản lý, canh tác, sử dụng với mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp, phi nông nghiệp. Đến thời điểm năm 2008 (theo quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19-02-2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng) thì diện tích đất trên mới được quy hoạch là đất lâm nghiệp và đến năm 2019 thì diện tích trên mới được giao cho Ban quản lý rừng L2 quản lý theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Khoản 1, Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007:

“1. Đất sử dụng ổn định quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai là đất đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Đất đã được sử dụng liên tục cho một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận hoặc đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp đất đã được sử dụng liên tục quy định tại điểm a khoản này mà có sự thay đổi về người sử dụng đất và sự thay đổi đó không phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất.”

Theo khoản 2 Điều 29 Luật đất đai 2003 quy định:

“2. Trường hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố có diện tích đất phải thu hồi mà Nhà nước chưa thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo mục đích đã xác định trước khi công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nếu người sử dụng đất không còn nhu cầu sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường hoặc hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Nhà nước nghiêm cấm mọi hoạt động tự ý xây dựng, đầu tư bất động sản trong khu vực đất phải thu hồi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp có nhu cầu cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình gắn liền với đất phải thu hồi mà làm thay đổi quy mô, cấp công trình hiện có thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.”

Theo khoản 2 Điều 49 Luật đất đai 2003 quy định:

“2. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất trong khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo kế hoạch được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng không được xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng cây lâu năm; nếu người sử dụng đất có nhu cầu cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình hiện có thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, có căn cứ để xác định các thửa đất trên được sử dụng ổn định trước ngày 15-10-1993, việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê

duyet. Tại thời điểm quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19-02-2008 và Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng đến hiện nay vẫn chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước đối với các thửa đất trên và các hộ vẫn sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[4] Về căn cứ xác định đối tượng áp dụng các quyết định:

[4.1] Đối với Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020:

Theo văn bản số 553/UBND ngày 03-6-2020 của UBND Phường 4 (BL 72) có nội dung: “(Do chủ hộ không hợp tác làm việc và không bổ sung các giấy tờ có liên quan với lý do: chủ hộ đi chữa bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên UBND Phường 4 căn cứ vào ý kiến của Tổ dân phố nên xác định nhà và đất tại khu vực của bà Nguyễn Thị K). Tuy nhiên trong thời gian lập hồ sơ xử lý vi phạm tại khu vực Nhà hàng T5, UBND Phường 4 nhận thấy cần phải xác minh việc mua bán sang nhượng nhà đất đối với các chủ sử dụng đất cũ, đến ngày 24-6-2020 và 25-6-2020 UBND Phường 4 tiến hành mời chủ sử dụng đất cũ là bà Mai Thị P và bà Nguyễn Thị L2 làm việc, bà P và bà Loan thừa nhận có việc sang nhượng nhà đất cho ông Nguyễn Minh T.

Đối với việc xác nhận có nhà ở ổn định của ông Nguyễn Minh T của ông Nguyễn Minh T tại địa chỉ 01 Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ: tại thời điểm xác nhận năm 2016, theo đơn xin xác nhận ông T trình bày sang nhượng nhà đất của ông Trương Văn G3 và bà Mai Thị P.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả xác định chủ đầu tư là ông Nguyễn Minh T, UBND Phường 4 căn cứ vào kết quả xác minh của Đoàn kiểm tra liên ngành UBND thành phố Đ xác định chủ đầu tư công trình không có giấy phép xây dựng Nhà hàng T5 là do ông Nguyễn Minh T làm chủ đầu tư.”

Căn cứ vào mục [3.3] nêu trên, việc lập biên bản vi phạm hành chính số 55/BB-VPHC ngày 08-11-2019 xác định: ông T có hành vi “lấn chiếm đất rừng phòng hộ đối với diện tích 1.884.04m² tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 03, Phường 4, thành phố Đ, thời điểm vi phạm trước năm 2016.

- Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Xây dựng 04 khối công trình trái phép với diện tích 747,05m². Thời điểm vi phạm năm 2016.

- Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Thời điểm vi phạm 2016.” là không có cơ sở.

Việc chủ tịch UBND thành phố Đ chỉ căn cứ vào Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 trong khi chưa có quyết định thu hồi đất đối với người đang sử dụng đất để ban Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T là không đúng quy định.

[4.2] Đối với Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thể hiện 13 khối công trình với tổng diện tích xây dựng 2.736,8m² tại khu vực Nhà hàng T5 thuộc một phần thửa đất 147, 148, 165, 166, 180, 181, tờ bản đồ số 03 Phường 4, thành phố Đ. hiện các công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng có kết cấu như đã nêu tại mục [3.1] nêu trên. Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đ và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất du lịch hỗn hợp (DLHH) và đất công viên cảnh quan (CVCQ); Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 03-04-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì các thửa đất này thuộc quy hoạch đất Trữ sở khác (TSK); không phù hợp đất ở để được phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ.

Kết quả xác minh tại công an Phường 4 (BL số 149-150) cho thấy các địa chỉ 27K Ngô Thì Sĩ; Số 01 đường Triệu Việt V và Tổ 12, Phường 4 thành phố Đ đều thuộc khu vực Nhà hàng T5 do bà Nguyễn Thị Diễm M (cháu ông T) đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 42027108A ngày 09-11-2016 và bà Nguyễn Thị K (mẹ ông T) đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận số 42033862A ngày 24-7-2019.

Kết quả xác minh tại Phòng Tài chính - kế hoạch thành phố Đ (BL 36) thể hiện: “theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 thì người đăng ký lập hồ sơ kinh doanh tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình. Ngoài ra, trong thành phần hồ sơ đăng ký của hộ kinh doanh không yêu cầu các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với địa điểm đăng ký kinh doanh. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà Nguyễn Thị Diễm M và bà Nguyễn Thị K không có thành viên góp vốn nào khác.”

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 03-01-2020 (BL số 150) tổ trưởng tổ dân phố 12, Phường 4 xác định “Khoảng năm 2015, bà Khiếu (mẹ ông T) có mua 01 căn nhà và đất của bà Mai Thị P tại Tổ 12, Phường 4, thành phố Đ (nay là khuôn viên Nhà hàng T5). Sau đó, ông T coi nói, mở rộng xung quanh khu vực nhà để xây dựng công trình trên đất và phục vụ việc kinh doanh nhà hàng ăn uống. Quá trình ông T mở rộng, cải tạo là có. Tuy nhiên, về giấy tờ pháp lý thì tổ trưởng không nắm được. Trong suốt thời gian đó đến nay thì ông T vẫn quản lý, sử dụng Nhà hàng”.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ (BL 134-136) ông T có mặt trình bày: “13 khối công trình theo Quyết định số 3249 không công trình nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T” và “Tại thời điểm hiện nay, người khởi kiện không xác định được ai là chủ sử dụng các khối công trình này”. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04-11-2021 (BL 481-483) ông T có mặt nhưng Tòa án không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vì lý do Nhà hàng T5 hiện đang đóng cổng, không có người ở và mở cổng. Ông T có mặt tại buổi xem xét trình bày: do ông không phải chủ công trình nên ông không thể mở cổng đi vào, đồng thời ông T không biết chủ công trình là ai.

Theo đơn xin xác nhận có nhà ở ổn định ngày 15-3-2016 của ông Nguyễn Minh T có nêu rõ nguồn gốc khi mua đất vườn của bà Mai Thị P thì trên đất đã có một căn nhà ở và theo đơn xin xác nhận có nhà ở ổn định ngày 02-11-2016 của bà Nguyễn Thị K có

nêu rõ nguồn gốc khi mua đất vườn của bà Nguyễn Thị Chính thì trên đất đã có một căn nhà ở.

Theo tài liệu do người khởi kiện cung cấp (BL 398-401) là Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 11-5-1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giao đất cho bà Mai Thị P, đơn xin làm nhà ở trong nom vườn ngày 10-12-1990 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 4 ngày 11-12-1990) thể hiện, nguồn gốc đất có công trình vi phạm trước đây do bà Nguyễn Thị Chính, Mai Thị P, Mã Thị Xuân G1, Nguyễn Thị L2 (bà Loan nhận chuyển nhượng từ ông Phan Q) sử dụng, xây dựng nhà. Tại biên bản xác minh ngày 07-11-2019 thể hiện các thửa đất có công trình vi phạm chưa có ai làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, các thửa đất này vẫn do những chủ sử dụng đất trước đây đăng ký, đứng tên kê khai.

Theo Công văn số 1139/UBND-NC ngày 28-02-2022 của UBND thành phố Đ về việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ án hành chính của ông Nguyễn Minh T (BL 496) thể hiện khối công trình số 1, số 4 thuộc thửa đất số 165; khối công trình số 2, số 3 thuộc thửa đất số 148, 165; khối công trình số 5, số 6 thuộc thửa đất số 165 phù hợp với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đã nêu tại mục [3.3] nêu trên. Do đó, có căn cứ để xác định trong số 13 khối công trình bị lập biên bản vi phạm, UBND Phường 4 không xác định được công trình nào là công trình có trước, công trình nào là công trình được xây dựng sau, cũng không làm rõ công trình nào đã được cải tạo, sửa chữa từ công trình cũ; việc xây dựng công trình cũ (nếu có) có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền hay không; thời điểm xây dựng công trình cũ và cải tạo thành công trình hiện nay; công trình nào được xây dựng mới và do ai xây dựng, quản lý, sử dụng.

Như vậy, ông Nguyễn Minh T không phải là người đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Nhà hàng T5. Đồng thời, ông T cũng không phải là chủ sử dụng của tất cả các thửa đất được liệt kê có 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép nêu trên. Các căn cứ mà UBND Phường 4 và UBND thành phố Đ cung cấp chỉ thể hiện ông Nguyễn Minh T là người đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 01 đường Triệu Việt V, Phường 4, thành phố Đ cùng với nhiều người khác chứ không đủ căn cứ để chứng minh việc ông Nguyễn Minh T có hành vi tổ chức xây dựng và là chủ sử dụng của các khối công trình xây dựng không phép. Việc UBND Phường 4 lập Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26-7-2019 xác định ông Nguyễn Minh T có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính Phủ là không có cơ sở.

Mặt khác, tại Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26-7-2019 xác định: *“Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành xây dựng, cải tạo mở rộng gồm 13 khối công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng tại các thửa đất 1p147, 148, 165, 166, 1P181, TBD 03, Phường 4, Thành phố Đ...”*. Như vậy, theo Biên bản nêu trên, không có công trình vi phạm được xây dựng trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 03. Tuy nhiên, Quyết định 3249/QĐ-KPHQ lại buộc ông T tháo dỡ công trình vi phạm tại một phần thửa đất số 180 là không phù hợp.

Do đó, việc chủ tịch UBND thành phố Đ chỉ căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 213/BB-VPHC ngày 26-7-2019 để ban Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày

06-8-2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T buộc tháo dỡ 13 khối công trình là chưa đúng quy định.

[5] Từ những căn cứ [3], [4] nêu trên, xét các Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019; Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 và Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07-01-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc đình chính Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ buộc tháo dỡ 13 khối công trình, buộc trả lại diện tích đất lấn chiếm là chưa đúng quy định ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp trong trường hợp thu hồi, bồi thường để thực hiện Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Ban quản lý rừng L2 quản lý. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Quá trình thu thập chứng cứ, đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Minh T nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Người khởi kiện tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã được quyết toán xong.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T được chấp nhận, nên người bị kiện việc Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả lại cho ông T số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 157; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; Luật xây dựng năm 2014; Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 25-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai; Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24-4-2017 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ; Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18-8-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T về “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”:

+ Hủy Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T.

+ Hủy Quyết định số 522/QĐ-KPHQ ngày 10-02-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Minh T.

+ Hủy Quyết định 111/QĐ-ĐCKPHQ ngày 07-01-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc đình chính Quyết định số 3249/QĐ-KPHQ ngày 06-8-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Minh T đã nộp và được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho người khởi kiện ông Nguyễn Minh T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0005139 ngày 23-11-2020 và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0017857 ngày 05-9-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng hành chính, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA; (2)
- Cục THADS tỉnh LĐ;
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (4)
- Người liên quan; (21)
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án; (2)

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sĩ Tư Hoài Phùng Thị Hoài Phương

Đặng Ngọc Bình